|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO 1**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP**

**ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp**

**và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình*.

**Điều 1.Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.**

**1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 như sau:*

“1. Dịch vụ phát thanh, truyền hình là dịch vụ cung cấp nguyên vẹn các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài và các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, các nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng trên hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến người sử dụng. Dịch vụ phát thanh, truyền hình có thể được cung cấp trực tiếp đến người sử dụng dịch vụ không qua thiết bị lưu trữ, làm chậm (dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến) hoặc theo yêu cầu riêng biệt của thuê bao sử dụng dịch vụ (dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu).”

*b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 như sau:*

“2. Dịch vụ giá trị gia tăng là dịch vụ cung cấp nội dung làm tăng thêm tiện ích của dịch vụ phát thanh, truyền hình, gắn liền với kênh chương trình và các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu.”

*c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 3 như sau:*

“7. Đơn vị cung cấp nội dung là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận bản quyền hợp pháp đối với nội dung cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.”

*d) Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 3 như sau:*

*“*8. Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và trực tiếp cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ.*”*

*đ) Sửa đổi, bổ sung Khoản 11 Điều 3 như sau:*

*“*11. Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao) là người sử dụng dịch vụ có giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng hợp đồng dưới hình thức văn bản in hoặc điện tử.*”*

*e) Bổ sung Khoản 16 Điều 3 như sau:*

“16. Chương trình trong nước là chương trình phát thanh, truyền hình; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do Việt Nam sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.”

*g) Bổ sung Khoản 17 Điều 3 như sau:*

“17. Chương trình nước ngoài là chương trình phát thanh, truyền hình; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do nước ngoài sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.”

*h) Bổ sung Khoản 18 Điều 3 như sau:*

“18. Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu gồm chương trình trong nước, chương trình nước ngoài và phim.”

*h) Bổ sung Khoản 19 Điều 3 như sau:*

“19. Cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc năm hoặc từng chương trình.”

**2. Điểm đ Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“đ) Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua các địa chỉ tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả ứng dụng Internet.*”*

**3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 5 như sau:*

“1. Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại để mọi người dân dễ dàng tiếp cận các chương trình, kênh chương trình trong nước; triển khai phủ sóng truyền hình qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng truyền hình mặt đất để mọi người dân thu xem được các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.”

*b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 5 như sau:*

“4. Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí, điện ảnh; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông; quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.”

*c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 5 như sau:*

“5. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả nội dung thông tin, chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng việc ứng dụng công nghệ số thực hiện lưu chiểu, đo lường khán thính giả, điều tra xã hội học, đo kiểm kỹ thuật để phục vụ công tác quản lý nhà nước và điều chỉnh hoạt động sản xuất, biên tập nội dung phát thanh, truyền hình.”

*d) Bổ sung Khoản 7 Điều 5 như sau:*

“7. Duy trì hiện trạng cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tương tự; chấm dứt cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tương tự theo nhu cầu thị trường.”

**4. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 Điều 12 như sau:*

“c) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội dung quy định tại các Điểm b, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này;

Đối với dịch vụ quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 4Nghị định này, trường hợp trên dịch vụ không cung cấp các kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Thực hiện kê khai theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, gồm các nội dung: Phạm vi, điều kiện kỹ thuật cung cấp dịch vụ; phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên, dự kiến nhóm nội dung cung cấp trên dịch vụ; tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng Internet cung cấp dịch vụ;”

*b) Sửa đổi, bổ sung điểm e Khoản 2 Điều 12 như sau:*

“e) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu. Đối với trường hợp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình, không yêu cầu văn bản này.”

**5. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a)* *Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 13 như sau:*

“b) Các kênh chương trình trong nước được phép cung cấp trên dịch vụ quảng bá”.

*b)* *Bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 13 như sau:*

“c) Các chương trình, phim đã được phát trên các kênh chương trình được quy định tại các điểm a và b Khoản 1 Điều 13 Nghị định này; nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu quy định tại Khoản 18 Điều 3 Nghị định này đã được thực hiện biên tập theo quy định tại Điều 20a Nghị định này;

Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ có cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng, thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định này.”

*c)* *Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 như sau:*

“2. Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng khống chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ.”

**6. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 14 như sau:*

*“*1. Gói dịch vụ cơ bản là gói dịch vụ mà đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải cung cấp đến thuê bao và phải được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ, bao gồm: các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu; có thể có các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, cụ thể:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải được cung cấp đến tất cả thuê bao;

b) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao tại địa phương nơi đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ truyền dẫn, phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình;

c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng khống chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ;

d) Các kênh chương trình nước ngoài và kênh chương trình trong nước khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định.*”*

*b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 14 như sau:*

“3. Gói dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu là gói dịch vụ gồm các chương trình, phim đã được phát trên các kênh chương trình; nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu quy định tại Khoản 18 Điều 3 Nghị định này đã được thực hiện biên tập theo quy định tại Điều 20a Nghị định này”.

*c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 như sau:*

“4. Các nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng đã được thực hiện biên tập theo quy định tại Điều 20a Nghị định này.”

**7. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 16 như sau:*

“3. Không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị; bản tin, chương trình về các vấn đề, vụ việc tiêu cực, vi phạm pháp luật.”

*b) Bổ sung điểm c, điểm d Khoản 5 Điều 16 như sau:*

“c) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về nội dung để bảo đảm các chương trình liên kết được biên tập trước khi phát sóng hoặc cung cấp đến các nền tảng truyền thông số khác;

d) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về hoạt động của đối tác liên kết trong quá trình sản xuất chương trình, kênh chương trình liên kết, bao gồm việc cấp các loại giấy tờ xác nhận để liên hệ với cơ quan, tổ chức.”

**8. Khoản 6 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“6. Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp giấy phép biên tập là đầu mối thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo như đối với kênh truyền hình trả tiền.”

**9. Điểm c Khoản 6 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);”

**10. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19 như sau:*

“1. Việc biên tập các kênh chương trình nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Biên tập, quản lý bảo đảm nội dung không trái quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, điện ảnh, quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Biên tập, thực hiện cảnh báo nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về trẻ em, điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.”

*b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 19 như sau:*

“2. Việc biên dịch kênh chương trình nước ngoài thực hiện theo nhu cầu thị trường, bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt.”

**11. Bổ sung Điều 20a như sau:**

“**Điều 20a. Biên tập, biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu**

1. Biên tập nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu thực hiện như sau:

a) Đối với chương trình thời sự, chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: phải được cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ;

b) Đối với phim: phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh cấp giấy phép phổ biến hoặc được cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ;

c) Đối với các chương trình khác: cho phép đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ quy định pháp luật chủ động triển khai biên tập nội dung trước khi cung cấp trên dịch vụ.

2. Đối với nội dung phát thanh, truyền hình nước ngoài theo yêu cầu:

Việc biên dịch thực hiện theo nhu cầu thị trường, bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt. Nội dung biên dịch đối với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập như quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tạm dừng dung cấp dịch vụ để khắc phục vi phạm:

1. Yêu cầu tạm dừng dịch vụ bằng văn bản trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ vi phạm lần thứ 02 (hai) trong vòng 12 (mười hai) tháng về quy định biên tập nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu tại Khoản 1 Điều này. Văn bản tạm dừng dịch vụ phải nêu rõ hành vi vi phạm, thời điểm và thời hạn tạm dừng. Việc xác định thời hạn tạm dừng căn cứ vào mức độ vi phạm, thời hạn khắc phục, tối đa không quá 90 ngày.
2. Đơn vị cung cấp dịch vụ phải dừng cung cấp dịch vụ theo yêu cầu và khắc phục vi phạm.
3. Các doanh nghiệp có mạng viễn thông, nền tảng truyền thông số có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước ngăn chặn dịch vụ khi có yêu cầu.

**12. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 21 như sau:*

“1. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định này, nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 13 Nghị định này và nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định này đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này để cung cấp trên dịch vụ; thực hiện thông báo danh mục kênh và lập hồ sơ danh mục nội dung theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.*”*

*b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 21 như sau:*

“a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện thông báo danh mục các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền chủ động lựa chọn nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu và nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Nghị định này đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này để cung cấp trên dịch vụ, lập hồ sơ theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; không phải thực hiện thủ tục thông báo danh mục nội dung.*”*

*c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 21 như sau:*

*“*3. Yêu cầu đối với nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu và nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng:

a) Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá phải đáp ứng quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 13 Nghị định này; Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định này;

b) Nội dung quảng cáo (nếu có) được đơn vị cung cấp dịch vụ chủ động thực hiện biên tập bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

c) Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: phải lập hồ sơ theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.”

**13. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 22 như sau:*

“1. Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ.”

*b) Bổ sung Khoản 3 Điều 22 như sau:*

“3. Các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm các yêu cầu về bản quyền như sau:

a) Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình;

c) Bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập theo quy định tại Điều 20a Nghị định này.”

**14. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 26 như sau:*

“1. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chế độ và mẫu biểu báo cáo đối với: hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.”

*b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 26 như sau:*

“3. Các đơn vị có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.”

**15. Bổ sung Khoản 7 Điều 29 như sau:**

“7. Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì đơn vị cung cấp dịch vụ có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng quy định tại các Khoản 2 và 3, điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này và thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh quy định tại Điều 30 Nghị định này.”

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian xử lý và tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận**

1. Thay cụm từ “30 ngày làm việc” bằng “24 ngày làm việc” tại điểm b Khoản 3 Điều 12, điểm b Khoản 3 và điểm e Khoản 6 Điều 15, điểm h Khoản 6 Điều 18, điểm e Khoản 3 và Khoản 7 Điều 20; thay cụm từ “20 ngày làm việc” bằng “16 ngày làm việc” tại điểm b Khoản 6 Điều 12, điểm đ Khoản 5 Điều 15, điểm g Khoản 7 Điều 18, điểm d Khoản 6 Điều 20; thay cụm từ “15 ngày làm việc” bằng “12 ngày làm việc” tại điểm d Khoản 5 Điều 12 và điểm đ Khoản 2 Điều 30 và thay cụm từ “10 ngày làm việc” bằng “8 ngày làm việc” tại điểm c Khoản 7 Điều 12 và điểm c Khoản 3 Điều 30 Nghị định này.

2.Hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 3 và điểm c Khoản 5 Điều 12; điểm a Khoản 3, điểm d Khoản 5 và điểm đ Khoản 6 Điều 15; điểm g Khoản 6 và điểm e Khoản 7 Điều 18; điểm đ Khoản 3, điểm d Khoản 6 và điểm đ Khoản 7 Điều 20; điểm d Khoản 5 Điều 21 Nghị định này được lập thành 01 (một) bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp qua đường điện tử trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử).

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng …. năm 2020.

2. Bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 12; điểm d Khoản 6 Điều 18; điểm b Khoản 2 Điều 30 về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư và Khoản 4, Khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Nghị định này về hồ sơ đăng ký và thủ tục cấp giấy chứng nhận danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Bãi bỏ Thông tư số 15/2010/TT-BTTTT ngày 01/7/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều kiện phát sóng quảng bá trực tiếp các kênh chương trình truyền hình địa phương trên vệ tinh.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1.Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nguyên tắc biên tập, phân loại, cảnh báo nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình; quy định danh mục sự kiện thể thao thiết yếu trên các kênh chương trình trong nước có phương thức cung cấp trên dịch vụ quảng bá theo từng giai đoạn; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2.Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, BTTTT, KGVX. | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |